

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 05/03/2022

(theo quyết định số: 06/QĐ/TTNNTH, ngày 09 tháng 03 năm 2022)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ly thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	22CB2815	Nguyễn Thị Thúy An	30/01/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
2	22CB2816	Nguyễn Xuân Biên	01/01/1986	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.0	Đạt
3	22CB2817	Lê Văn Điệp	12/06/1988	Thanh Hóa	Nam	Kinh	5.7	9.5	Đạt
4	22CB2818	Nguyễn Văn Duẩn	18/04/1981	Nghệ An	Nam	Kinh	5.3	9.0	Đạt
5	22CB2819	Đỗ Văn Dương	24/08/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	9.0	9.0	Đạt
6	22CB2820	Bùi Thị Mỹ Hạnh	04/11/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.0	Đạt
7	22CB2821	Nguyễn Thị Như Hậu	13/02/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
8	22CB2822	Lê Văn Hoàn	10/04/1990	Đà Nẵng	Nam	Kinh	8.0	8.5	Đạt
9	22CB2823	Phạm Thị Yến Hương	15/09/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	8.0	Đạt
10	22CB2824	Nguyễn Đăng Khoa	24/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	5.0	8.5	Đạt
11	22CB2825	Nguyễn Mạnh Thành Linh	20/03/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.3	9.5	Đạt
12	22CB2826	Dương Thị Lợi	10/06/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
13	22CB2827	Phan Thành Lưu	27/03/1990	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
14	22CB2829	Nguyễn Thị Hồng Nga	26/11/1993	Quảng Trị	Nữ	Kinh	5.0	9.0	Đạt
15	22CB2830	Vũ Thị Ngọc	30/12/1995	Quảng Nam	Nữ	Độc lập	7.0	9.0	Đạt
16	22CB2831	Lê Văn Nhơn	03/11/1977	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.7	9.0	Đạt
17	22CB2832	Lê Thị Phú	01/03/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	8.0	Đạt
18	22CB2834	ALăng Tẹo	12/08/1995	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	5.0	6.0	Đạt
19	22CB2835	Võ Ngọc Thảo	20/01/1994	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
20	22CB2836	Trần Thị Thúy	19/10/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
21	22CB2838	Trương Thanh Tinh	18/02/1998	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	8.5	Đạt
22	22CB2839	Phạm Thị Kiều Trinh	05/05/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
23	22CB2840	Phan Ngọc Trương	25/08/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	8.5	Đạt
24	22CB2841	Nguyễn Thị Anh Tú	16/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
25	22CB2842	Nguyễn Doãn Tuấn	10/10/1988	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt
26	22CB2843	Phạm Tuấn Vũ	07/05/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	5.0	Đạt
27	22CB2844	Bùi Văn Vũ	04/04/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ly thuyết	Thực hành	Đánh giá
28	22CB2845	Trương Cao Vỹ	25/08/1989	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.5	Đạt
29	22CB2846	Nguyễn Thị Kim Yến	06/09/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	8.5	Đạt

Danh sách này có:29(thí sinh)